



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV# _____

WEWL# _____

I-171 _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA # _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN CUU
Last Middle First

Current Address: 16/8 P16. Tamboh. Hochiminh City

Date of Birth: 03.04.1943 Place of Birth: Thaibinh

Previous Occupation (before 1975) S. Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06.27.75 To 09.11.1981
Years: 06 Months: 03 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name _____
Address and Telephone Number _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>NGOC TRAN</u>	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Sài gòn ngày 24 tháng 11 năm 1989

Trình Chấn Bơ,

Cậu cháu có lời sang kính thăm
Bơ và các cháu Bơ và quý quyến
luôn luôn dồi dào sức khỏe và
gặp nhiều may mắn.

Chưa Bơ,

Cháu và gia đình cháu ước mong xin
Bơ thường kết giúp đỡ cho gia đình cháu
vào số những người được xét đi định
cư theo Chương trình H.O. trong việc giúp
đỡ nhân đạo của chính phủ Hoa Kỳ

Được Bơ thi ân cho, thì gia đình
cháu sẽ một cuộc sống Tự Do hạnh phúc.
Cháu xin ghi tên Bơ hồ sơ của cháu,
xin Bơ rộng lượng ban giúp đỡ cho cháu.

Cháu xin Chân thành tri ân và kính
chúc Bơ và Bức quyến một năm mới
"An Khang Thịnh Vượng"

Trình Chấn

Nguyên Cửu

Chưa Bơ Bài tư
Anh của cháu Anh Hoàng chúng tôi
mới sang Washington & người
chị GDP Từ 15/3/1989 ở đây & chúng
tôi em tôi nhớ Bơ tôi chyn
giúp xin Bơ sớm được cho

chúng tôi biết chúng tôi
mừng Tài ở "Sở" Phone 1,206,562,
7162 - WA Chúng tôi kính chúc
Quý Quynh Bà 1 Mùa Giáng
Sinh thật đầm ấm Hải An
Lành

Kính thư
Độc giả trân

Nguyen Tran

chúng tôi gửi Bàm Sue
Khi nào được thư của Quý
Vị chúng tôi gửi Bà
chính - Xin cảm ơn

Nguyen Tran

BỘ NỘI VỤ
Trại **Thủ Đức**

Số **1346** CRT
(92)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2365 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số

55

ngày **28**

tháng **08**

năm **1981**

của

Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:..

Họ, tên khai sinh

Nguyễn - Cửu

Họ, tên thường gọi

Nguyễn-Cửu

Họ, tên bí danh:

Sinh ngày **04** tháng **03** năm **1943**

Nơi sinh

Thái Bình

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

10/8 Khóm Tân Thái Sơn, Phường 16, T

Tân Bình, TP: Hồ Chí Minh

Thiếu ủy Trưởng cuộc cảnh sát xã

Cán tội

Bị bắt ngày **27-06-1975**

Án phạt **TRCT**

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tang án

lần, cộng thành

năm

tháng

Đã được giảm án

lần, cộng thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại

16/8 Khóm Tân Thái Sơn, P: 16, Tân Bình, TP: HCM.

Nhận xét quá trình cải tạo,

Trong thời gian cải tạo, anh em đã có nhiều tiến bộ. Tư tưởng c
chưa có gì biểu hiện xấu, lao động tích cực, chấp hành nội quy c
của trại nghiêm, học tập tiếp thu nhanh.

-Thời hạn quản chế: 12 tháng (mười hai tháng)

-Thời hạn đi đường 02 ngày (lễ từ ngày ký giấy ra trại)

-Hiện cấp xe và lương thực đủ cấp từ trại về đến gia đình

(nếu được cấp ở khu vực thành phố)

-Nơi cư trú do chính quyền địa phương quy định

Lưu tại Bộ Nội vụ

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày **28** tháng **08** năm **1981**
Giám thị

Thiếu tá: Phan Hùng Phúc

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

TỈNH PHƯỚC-LONG

QUẬN: PHƯỚC-BÌNH

XÃ: SON-GIANG

Số hiệu: 37

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Tên, họ người chồng NGUYỄN-CỬU

nghề-nghiep Học-Sinh

sinh ngày tháng năm 1943

tại Lạc-Thành, Tiền-Hải, Thái-Bình (BP)

cu-sở tại

tạm-trú tại Xã Son-Giang, Phước-Bình, Phước-Long

Tên, họ cha chồng Nguyễn-Vỹ (chết)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng Bùi-Thị-Sa (sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ TRẦN-THỊ-QUANG

nghề-nghiep Học-Sinh

sinh ngày 25 tháng 02 năm 1945

tại Thủ-Lạc, Thái-Bình (BP)

cu-sở tại

tạm-trú tại Xã Son-Giang, Phước-Bình, Phước-Long

Tên, họ cha vợ Trần-Tiến-Dạt (sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ Bùi-Thị-On (sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới 02 tháng 12 năm 1963

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế

ngày tháng năm

tại

Trích y bản chính

Son-Giang, ngày 04 tháng 7 năm 1964

Viên-chức Hộ-tịch,

CHỨNG-THỰC

Chữ ký của Hộ-tịch xã Son-Giang
Phước-Bình ngày 06/07/64

PHÓ-BAO-TRƯỞNG

LÂM-MẠNH

Số. ba. Giu

VIỆT - NAM CỘNG - HOÀ

Lục sao y bản chánh đề tại Phòng Lục-Sự Toà Hoà-Giải Saigon

BỘ TƯ - PHÁP

Số 6252/AT (1)

Linh/5

SỞ TƯ - PHÁP NAM - PHẦN

Ngày 27 tháng 10 năm 1956 (1)

TOÀ HOÀ - GIẢI
SAIGON



GIẤY THẺ-VI KHAI-SANH CHO

NGUYỄN CỬU

chín trăm 56 ngày 27 tháng 10 hồi 10 giờ
g tôi là HUYỀN KHẮC DUNG Chánh-án Toà Hoà-Giải
h-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự
phụ - tá

Đo-Ti

NGUYỄN KIM PHONG

ĐÃ TRÌNH DIỆN :

- 1.— HOÀNG XUYẾT
- 2.— NGUYỄN NGÂN
- 3.— NGUYỄN VY

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

NGUYỄN CỬU

sinh ngày 04-3-1943 tại Lạc Thành Thái Bình
con của NGUYỄN VI và BÙI THỊ SA -

Và duyên cớ mà
khai-sanh được, là vì mẹ y -
sự giao thông gián đoạn.

không có thể xin sao-lục

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vi khai-sanh này cho đương-sự để xử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam, Các điều 363 và tiếp theo của bộ Hình-luật Canh-cải phạt tội ngụy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ,

LỤC-SAO Y,

Saigon, ngày 27 tháng 02 năm 1957

CHÁNH - LỤC - SỰ,

GIA TIỀN : 5000

(1) Chỉ tiết cần nhắc mỗi khi
xin cấp thêm bản sao.

ngày 14 tháng 3 năm 1972 bổ dụng chính thức
Đ. Nguyễn-Tý-Sùng và 51 nhân-viên khác vào ngạch
Phó thám-sát-viên tập sự đồng thời cho thực-thy
Phó thám-sát-viên hạng 4.

TỔM. TRƯỞNG NỘI-VỤ

Chiếu Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1-4-1960 ;

Chiếu

.

Chiếu các Nghị-lệnh số 140-TTĐ/CV ngày 23-10-1965 và 1330-NH/V.Th.T/
CV ngày 21-12-1968 chế độ viên công nhật, sau được đồng hóa công nhật và
khai-ước từ hạng B trở xuống được đặc biệt nhậm-chức miễn thi ;

Theo đề nghị của Tr-Lệnh Cảnh-Sát Quốc-Gia ;

H O C H I - D I N H

Điều 1. - Những nhân viên có tên sau đây, được xếp hạng nhập ngạch
miễn thi và đã được tập sự vào ngạch Phó thám-sát-viên do các sự-vụ-lệnh số
07-HNV/TCSQG/SVL ngày 26-11-1967, số 164, 200, 201-HNV/TCSQG/SVL ngày 30.9,
12.12.1969, số 14, 30, 35, 36, 37, 51, 54, 57, 58, 66, 68, 71, 72 và
131-HNV/TCSQG/SVL ngày 27.01, 11, 24.02, 04, 12.3, 14, 23, 30.04, 18, 21,
26, 28.5 và 29.07.1970, nay được chính thức bổ Phó thám-sát-viên tập sự
kể từ 01-01-1967, 01-11-1968 và 01-01-1969 về hai phương diện thâm niên và
lương bổng.

Nay các đương sự đã có 2 năm thâm niên trong trật tập sự được
thực-thy Phó thám-sát-viên hạng 4 như sau :

Họ và tên	Số trước	Ngày bổ Phó	Ngày thực-thy Phó TSV/hạng 4	Nhiệm số	Ghi chú
Ngày tháng năm sinh	tịch	TSV/Tập-sự	Phg.điện : th.niên	Phg.điện : lq.bổng	
1					
35 : NGUYỄN - CỨU	17.107	01-01-69	01-01-71	11-71	PHL/0000
4-3-43					
.					

Điều 2. - Tr-Lệnh Cảnh-Sát Quốc-Gia và Tổng-thư Ký Bộ Nội-Vụ,
chiếu nhiệm vụ thi hành Nghị-dịnh.-

Chiếu Hội Nghị Tổng Giám-Đốc Công-Vụ
Ngày 19-1-72

Kiểm nhiệm tại quỹ Hưu-bổng Văn-giải
Ngày 14-10-71 số 2403-HT

Kiểm soát Ước-chi ngày 27-1-72

Nơi nhận :

- Nha TGDNS/NO.V
- Nha TGDGV
- Sở CB và VK (5b)
- HNV { - Sở NV
- BTLCSQG/HV/KT
- Sở KSJC a/HNV
- Nha Hưu-bổng
- Các đương sự
- Lưu.-

SAG - Y
Chánh-sự Vụ Sở Nhân-viên
an-ký : Hoàng-dinh-Giang

SAG Y
Chánh-sự Vụ Nhân-sự-Vụ
Bộ Tr-Lệnh Cảnh-Sát Quốc-Gia
an ký : Trần-văn-Lợi

Saigon, ngày 14 tháng 3 năm 1972

TỔM. TRƯỞNG BỘ NỘI-VỤ

Tổng Thư-Ký

Ký tên : Tôn-Thất-Chước

Phụ bốn

MLTV, Giám-Đốc Nha Hành-chánh
ký tên : Nguyễn-công-Truyền



TRỊNH SAG Y
PHÓ TỔM. TRƯỞNG BỘ NỘI-VỤ

1

NGUYỄN VĂN NGỌC LIÊN

QUESTIONNAIRE FOR APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____

Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn-bản:

1. Name
Họ, tên : Nguyễn - Bửu Sex: Phái Nam
2. Other Names
Họ, tên khác : Không có
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 04 - 3 - 1943 Thái Bình (Bắc Việt)
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-tụ : 16/8 Phường 16 quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 16/8 Phường 16 quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Xiêu lô Tráp

B. Relatives To Accompany Me/Bà con đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia-đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. Trần Thị Quang	24 - 5 - 1945	Thái Bình	Nữ	Vd	Vợ
2. Nguyễn Thị Hương	10 - 2 - 1964	Sơn Tây	Nữ	Còn độc thân	Con
3. Nguyễn Văn Bình	12 - 7 - 1966	Tân Sơn Nhì	Nam	Còn độc thân	Con
4. Nguyễn Thị Đan H	06 - 12 - 1967	Tân Sơn Nhì	Nữ	Còn độc thân	Con
5. Nguyễn Ngọc Yến	20 - 9 - 1971	Tân Sơn Nhì	Nữ	Còn độc thân	Con
6. Nguyễn Thị Thanh Mai	08 - 12 - 1974	Sài Gòn	Nữ	Còn độc thân	Con
7. Nguyễn Quang Thảo	13 - 2 - 1976	Tân Bình	Nữ	Còn độc thân	Con
8. Nguyễn Thị Tài Uyên	12 - 4 - 1984	Sài Gòn	Nữ	Còn độc thân	Con
9. Nguyễn Kim Thư	04 - 11 - 1969	Tân Sơn Nhì	Nữ	Có chồng	Con
10. Trần Văn Huỳnh	14 - 12 - 1969	Tân Sơn Nhì	Nam	Có vợ	Con rể
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thủ (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cũng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ hàng ở Ngoài Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

: Nguyễn Thị Năng

Trần Thị Mỹ Tú

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

: Cô ruột

Chị họ

c. Address
Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

: 1979

1975

2. Closest Relative In Other Foreign Countries
Bà con thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

: Không

Không

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

:

:

c. Address
Địa-chỉ

:

:

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thức Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

: Nguyễn Văn Chết

2. Mother
Mẹ

: Bà Thị Sa Chết

3. Spouse
Vợ/Chồng

: Trần Thị Quang

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có):

Không

5. Children
Con cái:

(1)

Nguyễn Thị Hương

(2)

Nguyễn Văn Bình

(3)

Nguyễn Thị Oanh

(4)

Nguyễn Ngọc Yến

(5)

Nguyễn Thị Thanh Mai

(6)

Nguyễn Quang Thảo

(7)

Nguyễn Thị Thu Uyên

(8)

Nguyễn Kim Phụng

(9)

Trần Xuân Hoàn

6. Siblings
Anh chị em:

(1)

Nguyễn Tạo 1937 anh ruột

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc:

Thao hành cấp thi Hạng Sĩ Quan 30-4-1975

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ:

Không

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Viet-Nam

Cấp sát Cận Báo, Cấp sát cấp và Khảo sát Sĩ Quan

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phần-thưởng hoặc giấy khen:

1 giấy khen

Date received:

Ngày nhận:

1972

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đúng sự có không? Có ☐ Không ☒.)

10. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

Không

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

Không

To

Tới:

4. Description of Courses:

Mô-tả ngành học

Không

5. Who paid for training?

AI đài-tho chương-trình huấn-luyện?

Không

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

11. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

Nguyễn - Bình

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

From:

Từ:

từ 1975

To:

Tới:

1981 (báo năm 2 tháng)

3. Still in Reeducation?*

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Yes

Có

Không

No

Không

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

12. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Gia đình tôi ước mong được sự giúp đỡ nhân đạo của chính phủ Hoa-Kỳ để sớm được thả ra ngoài nước.

Signature

Ký tên:

Nguyễn Bình

Date

Ngày:

24-11-1989

13. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

1. giấy khai sinh

2. giấy ra Trại

3. giấy của CAM Nhân Dân

4. Hôn Thê

5. giấy nhập ngũ cảnh sát

6. giấy ông chú

7. giấy Hồ nhân

8. giấy báo hồ sơ gởi Thái Lan

Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : Không
Position title
Chức-vụ : Không
Agency/Company/Office
Sở/Hang/Van-Phòng : Không
Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ Không Đến Không
Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: Không
Reason for Separation
Lý do nghỉ-việc : Không

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : Không
Position title
Chức-vụ : Không
Agency/Company/Office
Sở/Hang/Van-Phòng : Không
Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ Không Đến Không
Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: Không
Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : Không

Employee Name
Tên họ nhân-viên : Không
Position title
Chức-vụ : Không
Agency/Company/Office
Sở/Hang/Van-Phòng : Không
Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ Không Đến Không
Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: Không
Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : Không

Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu
Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: Nguyễn Cửu
2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 1964 Đến 1975
3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Thiếu úy Cảnh Sát Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: 60507
4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đơn-Vị Binh-Chung : Bộ chỉ huy Cảnh Sát Tỉnh Bà Rịa
5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : Trung Tá Tô Ngọc Văn

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

Trích-lục văn-kiện thể-vi hộ-tịch lưu-trú tại Phòng Lục-Sự

BỘ TƯ-PhÁP

Toà SỞ-THẨM VINH LONG

SỞ TƯ-PhÁP NAM-P



TOA VINH LONG

bản chánh giấy thể-vi khai sinh

Trần-thị-Quang

(1) Ngày 25-9-57

Nguyễn-huân-Dương, Thẩm-Phán Chánh Ám Toà S. VINH LONG

Giấy thể-vi khai s

Thẩm-Phán Hoà-Giải, cấp ngày 25-9-1957

cho Trần-thị-Qu

và đã trước-bạ;

(1) Số 2731SL

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY:

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-dổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc

TRẦN-THỊ-QUANG, sanh ngày 25 tháng 4 dương lịch 1945 (25-4-1945) tại làng PHÚ-LẠC tỉnh Thái-Bình (BẮC-PHẦN) con của Trần-Tiến-Dật và Bùi-thị-Ch ./.

X

X

X

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH,

VINH LONG, ngày 25 tháng 10 năm 1963

CHÁNH LỤC-SỰ.

Lệ-phí: 5.000

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.

VIỆT - NAM, CỘNG HÒA
TỈNH GIA-ĐÌNH
QUẬN Tân-Bình



Năm 19 66

XÃ Tân-sơn-Nhi

ĐÃ KIỂM SOÁT ĐÚNG TRỌNG BỐ
Nhân-viên phụ-trách,
P/5

BỒN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Số hiệu 1062

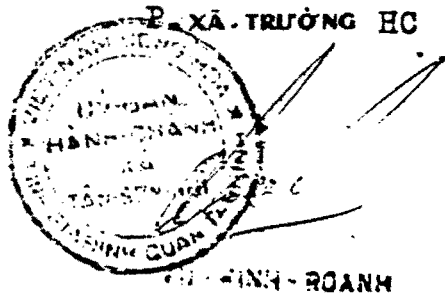
Tên, họ ấu nhi	Nguyễn-Văn-Bình
Phái	Nam
Sanh (Ngày, tháng, năm)	Ngày mười hai, tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu Tân-sơn-Nhi
Tại	
Cha (Tên, họ)	Nguyễn-Cửu
Nghề	Cảnh sát Viên
Cư trú tại	Tân-sơn-Nhi
Mẹ (Tên, họ)	Trần-Thị-Quang
Nghề	Nô i trợ
Cư trú tại	Tân-sơn-Nhi
Vợ (Chánh hay thứ)	Vợ chánh

Trích y bốn chánh :

KIẾN-THỊ :

Tân-sơn-Nhi ngày 8 tháng 6 năm 1971

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,



[Signature]
BỘ-MANH-HOÀ

MIỄN THỊ THỰC CHỮ KÝ

Tham chiếu : Thông Tư Bộ Nội Vụ số 4366, BN/HC/29
ngày 3-8-70.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

Phước-Long

QUẬN : Phước-Bình

XÃ : Sơn-Giang

Số :



CHEP Y TRONG BỐ :

Sơn-Giang ngày 27/9/1968

CHỦ-TỊCH NIỆM HỘ-LẠI



CHUNG-THẬT :

Chữ ký của Ông Chủ-Tịch kiêm

Hộ-Lại Xã Sơn-Giang .

Phước-Bình ngày 30/7/1968

TL. QUẬN-TRƯỞNG

NGUYỄN-VAN-CẦU

(Phó Đốc-Sự)

KHAI SANH

Tên, họ ấn nhĩ : NGUYỄN-THỊ-HƯƠNG

Phái : NỮ

Sanh : Ngày mười tháng hai năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn .
(Ngày, tháng, năm)

Tại : Xã Sơn-Giang, Phước-Bình, Phước-Long .

Cha : NGUYỄN - CỬU
(Tên, họ)

Tuổi : 21 tuổi

Nghề-nghiệp : Học-Sinh

Cư-trú tại : Xã Sơn-Giang, Phước-Bình, Phước-Long .

Mẹ : TRẦN-THỊ-QUANG
(Tên, họ)

Tuổi : 19 tuổi

Nghề-nghiệp : Học - Sinh

Cư-trú tại : Xã Sơn-Giang, Phước-Bình, Phước-Long

Vợ : C H Á N H

Người khai : NGUYỄN - CỬU
(Tên, họ)

Tuổi : 21 tuổi

Nghề-nghiệp : Học - Sinh

Cư-trú tại : Xã Sơn-Giang, Phước-Bình, Phước-Long

Ngày khai : Ngày 17 tháng 02 năm 1964

Người chứng thứ nhứt : NGUYỄN - TRUY
(Tên, họ)

Tuổi : 28 tuổi

Nghề-nghiệp : Công-chức

Cư-trú tại : Xã Sơn-Giang, Phước-Bình, Phước-Long

Người chứng thứ nhì : DẶNG - NHUẬN
(Tên, họ)

Tuổi : 28 tuổi

Nghề-nghiệp : Làm công

Cư-trú tại : Xã Sơn-Giang, Phước-Bình, Phước-Long

Làm tại Xã Sơn-Giang , ngày 17 tháng 02 năm 1964

Người khai,

Hộ-lại,

Nhân-chứng,

NGUYỄN - CỬU

LÊ-QUỐC-PHỦ

NGUYỄN - TRUY (Ký)

(Ký)

(Ấn Ký)

DẶNG-NHUẬN

(Ký)

MIỄN-PHÍ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Tân-sơn-Nhi

TỈNH GIA-ĐÌNH

BỐN TRÍCH LỤC

BỘ KHAI-SANH **CHÍNH**



1967

Số hiệu: 1930

Tên, họ đầu nhi	Nguyễn-Thị-Oanh
Phối	Hũ
Sanh	Ngày sáu tháng mười một hai năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy.
(ngày, tháng, năm)	
Tại	Tân-sơn-Nhi
Cha	Nguyễn-Cầm
(Tên, họ)	
Nghề	Công chức
Cư trú tại	Tân-sơn-Nhi
Mẹ	Trần-Thị-quang
(Tên, họ)	
Nghề	Nội trợ
Cư trú tại	Tân-sơn-Nhi
Vợ	Vợ chánh
(Chánh hay thứ)	

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch

kiêm Ủy-viên Hộ-tịch Xã Tân-sơn-Nhi

Tân-sơn-Nhi, ngày 12 tháng 12 năm 1967

Tân-sơn-Nhi

Trích y bốn chánh:

Tân-sơn-Nhi ngày 8 tháng 12 năm 1967



SỞ QUẢN-LÝ TÂN-SƠN-NHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT HÔN

Tỉnh, Thành phố Hà Nội

Quận, Huyện Đống Đa

Xã, Phường Đống Đa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyển số 64/1986

Số 01.P.16

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ và tên người vợ Nguyễn Kim Phượng

Sinh ngày 1969

Quê quán Bình Thái Bình

Nơi đăng ký thường trú 16/8 Đường 17

Phường 16 Quận Đống Đa

Nghề nghiệp Nội Trú

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 022174917

Họ và tên người chồng Trịnh Xuân Hoàn

Sinh ngày 1963

Quê quán Trịnh Hòa Nam Ninh

Nơi đăng ký thường trú 511 Lê Văn Sỹ

Phường 2 Quận Đống Đa

Nghề nghiệp Lao Động

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 020808907

Kết hôn ngày 07 tháng 01 năm 1987

Chữ ký người vợ

Nguyễn Kim Phượng

Chữ ký người chồng

Trịnh Xuân Hoàn



Phường 16

CHỦ TỊCH

Đỗ Minh Tuấn

Nguyễn Kim Phượng Trịnh Xuân Hoàn

Đỗ Minh Tuấn

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TÊN:



BỒN TRÍCH LỤC

BỘ KHAI-SANH

Số hiệu: 2273

Tên, họ ấu nhi	Nguyễn-Tân-Phượng
Phái	Nữ
Sanh (ngày, tháng, năm)	Ngày bốn tháng mười một năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín
Tại	Tân-Sơn-Nhi
Cha (Tên, họ)	Nguyễn-Cửu
Nghề	Cảnh sát
Cư trú tại	Tân-Sơn-Nhi
Mẹ (Tên, họ)	Trần-Thị-Quang
Nghề	Nội trợ
Cư trú tại	Tân-Sơn-Nhi
Vợ (Chánh hay thứ)	Vợ chánh

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Ủy-viên

Trích y bốn chánh:

Ủy-tịch Xã Tân-Sơn-Nhi

Tân-Sơn-Nhi, ngày 7 tháng 11 năm 1969

Trần-Bình, ngày 18 tháng 11 năm 1969

CHỨNG THỰC ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,

QUẢN TRƯỞNG,

CHỖ KÝ CỦA BAN QUẢN TRƯỞNG

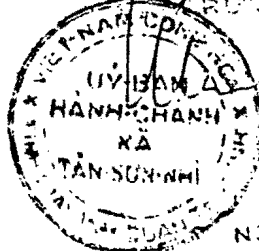
QUẢN-TRƯỞNG

Ông Ủy-Viên Hộ-Tịch

Trần-Phong Hộ-Tịch

TÂN-SƠN-NHI, ngày 11-11-69

Trần-Bình



HỒ-THÀNH-VIÊN

TRẦN-VĂN-DƯƠNG

NGUYỄN-VĂN-NHI

Ngày 7 tháng 7 năm 19 71



số 298

-vi khai-sanh cho

TUÂN-HUÂN

Chợh-An :

Biệt-ly :

Lục-sự :

Tòa SơphẩmGiadinh xử về việc

Hộ trong phiên nhóm công khai

ngày 7 tháng 7 năm 19 71

gồm có các ông :

H/15

Hò-dào-Cần

Nguyễn-thế-Cường

Phạm-thị-Điều

bản án như sau :

AN ÁN

TÒA ÁN

Chiếu theo đơn của

Trinh-xuân-Phong

BƠI CÁC L

cho con

chứng nhận : Trinh-xuân-Phong và Nguyễn-thị-Lai phải

Trinh-xuân-Huân là con

Phán rằng :

TRINH-XUÂN-HUÂN, nam, sinh ngày

mười bốn, tháng mười hai, năm một ngàn chín

trăm sáu mươi ba (14.12.1963) tại xã Tân-sơn

Hòa, quận Tân-Bình, tỉnh Giadinh là con của

Trinh-xuân-Phong và Nguyễn-thị-Lai./-



Phán rằng án này thế vì khai-sanh cho trẻ ấy

Dạy ghi đoạn phán quyết án này vào sổ khai-sanh đương niên

xã Tân-sơn-hòa

và lược biên án này vào hồ sơ khai sinh gần nhưst ngày 14.12.1963

giữ lại lưu-trữ công-văn

và Phòng Lục-Sự Tòa Án sở tại

xã kể trên

Dạy nguyên đơn chịu hết án phí

Án này làm, xử và tuyên vào ngày, tháng và năm đã kể trên.

Ký tên :

Hò-dào-Cần

Phạm-thị-Điều

Trước-bu tại Ty III Saigon ngày 27.7.71

Quyền 93b

Tờ 39

Số 290/36

Thầu 288

Số 1617/BS-UBS

CHÍNH

Trích y bản chánh

ngày 12 tháng 8 năm 1971

CHÁNH LỤC SỰ

GIÁ TIỀN	
Con niêm	2400
Bồng lộc	5400
Biên bản	0350
Cộng chung . . .	29350

CHUNG NHẬN

2

XUẤT

UBS PHƯƠNG

Số 139

UBS PHƯƠNG

UBS PHƯƠNG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN Tân Bình

XÃ Tân-sơn-Thị

BẢN TRÍCH LỤC

BỘ KHAI-SANH

P/5



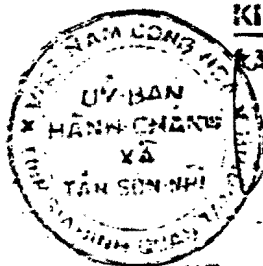
Năm 19 71

Số hiệu 1829

Tên, họ ấu nhi	Nguyễn-Học-Yến
Phái	Nữ
Sanh	Ngày hai mươi tháng chín năm một ngàn chín trăm bảy mươi một
(Ngày, tháng, năm)	
Tại	Tân-sơn-Thị
Cha	Nguyễn-Cửu
(Tên, họ)	
Nghề	Công chức
Cư trú tại	Tân-sơn-Thị
Mẹ	Trần-Thị-Quang
(Tên, họ)	
Nghề	Nội trợ
Cư trú tại	Tân-sơn-Thị
Vợ	Vợ chánh
(Chánh hay thứ)	

Trích y bản chính :

Tân-sơn-Thị ngày 24 tháng 9 năm 1971
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH.



KIẾN-THỊ :

KIA-TRƯỜNG

NGUYỄN VĂN NHÌ

Xuân-Cần

MIỄN THỊ THỰC CHỮ KÝ

Tham chiếu : Thông Tư Bộ Nội Vụ số 4366/BNV/HĐ/29
ngày 3-8-70.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ-THÀNH SÀI

Quận: NHÌ

PHƯỜNG HUYEN:

Số hiệu: 1627A



CH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 12 tháng 2 năm 19 74

HVC/IOb

...	NGUYEN THI THANH MAI
n gái. .	Nu
Ngày sanh	Nem thang hai nam mot ngay chin tram bay muoi bon, 5g45
Nơi sanh.	Saigon, 204 Cong Quynh
Tên họ người cha. . .	NGUYEN CUU
Tên họ người mẹ. . .	TRAI THI QUANG
Vợ chánh hay không có hôn-thú	Vo chenh
Tên họ người đưng khai.	PHAM THI BUCI

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 23 tháng 2 năm 19 74

Viên-Chức Hộ-Tịch

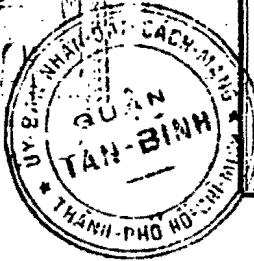


VIỆN CHỨC HỘ TỊCH

THÀNH - PHỐ HỒ CHÍ MINH

ỦY - BAN NHÂN - DÂN - C.M.

Quận 7
Phường (Xã) 7



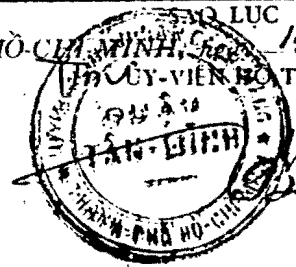
BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiệu: 22
Năm: 1976

Lập ngày 03 tháng 03 năm 1976

Họ tên	Nguyễn Quang Thảo
Trai hay gái	Nữ
Ngày, tháng, năm sinh	ba, tháng hai, một chín bảy sáu
Nơi sinh	Tân Phú
Họ tên, quốc tịch cha	Nguyễn Cửu Văn
Họ tên, quốc tịch mẹ	Song Thị Quang Văn
Cha mẹ có hôn thú không	37 ngày 04-07-1964 Sơn Gĩa

Thành-phố HỒ CHÍ MINH, ngày 14 tháng 5 năm 1976



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn

Độc lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Thị xã Quận

Tân Bình

BẢN SAO

Thành phố, Tỉnh

Hồ Chí Minh

GIẤY KHAI SINH

Số 95/1-PA

Quyển số 01/P-16



Họ và

NGUYỄN THỊ THỊ LIÊN

Nam, nữ Nữ

Sinh

tháng

Ngày 12 tháng 4 năm 1984

Nơi sinh

BV Hùng Vương

Khai về cha mẹ

CHA

MẸ

Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)

TRẦN THỊ QUANG

TRẦN THỊ QUANG

1985

1985

Dân tộc

Quốc tịch

Sinh

Vật

Nam

Nghề nghiệp

Nơi ĐKNK thường trú

lên nông nghiệp

10/2 15 17 Đường 1

lên nông nghiệp

Quận Tân Bình

Họ, tên tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai

Nguyễn Cửu

NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 30 tháng 4 năm 1984

ký tên đóng dấu

PHỞ-VĂN-PHÔNG

Đang ký ngày 20 tháng 4 năm 1984

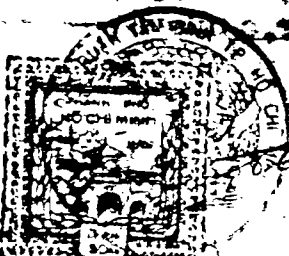
(ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Ủy Viên thư ký Quận TC

(dã lý)

NGUYỄN THỊ LIÊN

TRẦN NGỌC KHÁNH



VIỆT NAM CỘNG HÒA

THÀNH CỬA ĐÔNG

QUẬN TÂN SƠN NHÌ

XÃ TÂN SƠN NHÌ

M 325/10000

CHỨNG CHỈ SỐNG CHUNG

Công thị Ủy Ban Hành Chính Xã Tân Sơn Nhì, Quận
Tân Bình Thành Gia Định Chứng nhận rằng:

Họ Trần Thị Lương sinh năm 1945
tại Thị trấn (Đ. V.) và hiện trú tại cơ
sở dưới đây:

- | | |
|----------------------------|----------------------|
| 1) <u>Nguyễn Thị Lương</u> | sinh năm <u>1945</u> |
| 2) <u>Nguyễn Văn Phú</u> | sinh năm <u>1946</u> |
| 3) <u>Nguyễn Thị Dung</u> | sinh năm <u>1947</u> |
| 4) <u>Nguyễn Văn Dũng</u> | sinh năm <u>1949</u> |
| 5) <u>Nguyễn Thị Dung</u> | sinh năm <u>1971</u> |
| 6) _____ | sinh năm _____ |
| 7) _____ | sinh năm _____ |
| 8) _____ | sinh năm _____ |
| 9) _____ | sinh năm _____ |
| 10) _____ | sinh năm _____ |
| 11) _____ | sinh năm _____ |
| 12) _____ | sinh năm _____ |

Họ Trần Thị Lương sống dưới sự nuôi dưỡng của:

Họ Nguyễn Văn sống tại số 552 đường
thị trấn Đ. V. thuộc xã Tân Sơn Nhì

Công thị ủy cho cho hưởng sự ở này nghỉ ở đây

Tân Sơn Nhì ngày 1 tháng 11 năm 1971

Ủy Ban Hành Chính Xã
KHOA TRƯỞNG TỈNH
HỒN



ỦY BAN HÀNH CHÍNH

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 236960 CN

Họ và tên chủ hộ : TRẦN TIẾN DẠT

Ấp, ngõ, số nhà : 16/8 NGUYỄN VĂN

Thị trấn, đường phố :

Xã, phường : MÃ LẠNH

Huyện, quận : TÂN BÌNH

Ngày 10 tháng 3 năm 1982
Trưởng công an : TÂN BÌNH
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

PHÓ CÔNG AN QUẬN



Số NK 3 :

CHỖ TRƯỞNG CÔNG AN

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Trần Tiến Đạt	Chủ hộ	Nam	1.10.1903	021082630		1.10.1976	chức 06/7/1985	
2	Bùi Thị Ôn	Vợ	Nữ	1908	021082632		1.10.1976		
3	Trần Thị Quang	Con	Nữ	25.4.1945	021082631		1.10.1976		
4	Nguyễn Thị Hương	Cháu	Nữ	10.2.1964	021083633		1.10.1976		
5	Nguyễn Văn Bình	Cháu	Nam	12.7.1966	021705057		1.10.1976		
6	Nguyễn Thị Oanh	Cháu	Nữ	6.10.1967	0220171912		1.10.1976		
7	Nguyễn Kim Phương	Cháu	Nữ	4.10.1969	0220171911		1.10.1976		
8	Nguyễn Ngọc Yên	Cháu	Nữ	20.9.1971	022624021		1.10.1976		
9	Nguyễn Thị Thanh Mai	Cháu	Nữ	5.2.1974	022720627		1.10.1976		
10	Nguyễn Quang Thảo	Cháu	Nữ	5.2.1976			1.10.1976		
11	Nguyễn Thị Thu Huyền	Cháu	Nữ	12/4/84			03/7/84		
12	Nguyễn Văn	Con rể	Nam	1943	022501417		17.7.1984		

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 236960 CN

Họ và tên chủ hộ : TRẦN TIẾN ĐẠT

Ấp, ngõ, số nhà : 16/8 T. 17

Thị trấn, đường phố :

Xã, phường : M. 1

Huyện, quận : T. B. 1

Ngày 10 tháng 3 năm 1982
Trưởng công an : T. B. 1
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

PHÓ CÔNG AN QUẬN



Số NK 3 :

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ CHỮ

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐK NK
2	3	4	5	6	7	8	9	10
Trần Tiến Đạt	Chủ hộ	Nam	1.10.1903	021082630		1.10.1976	06/06/1985	
Bùi Thị Ôn	Vợ	Nữ	1908	021082632		1.10.1976		
Trần Thị Quang	Con	Nữ	25.4.1945	021082631		1.10.1976		
Nguyễn Thị Hương	Cháu	Nữ	10.2.1964	021083633		1.10.1976		
Nguyễn Văn Bình	Cháu	Nam	12.7.1966	021705057		1.10.1976		
Nguyễn Thị Oanh	Cháu	Nữ	6.10.1967	022174912		1.10.1976		
Nguyễn Kim Phương	Cháu	Nữ	4.10.1969	022174911		1.10.1976		
Nguyễn Ngọc Yến	Cháu	Nữ	20.9.1971	022624070		1.10.1976		
Nguyễn Thị Thanh Mai	Cháu	Nữ	5.2.1974	022720697		1.10.1976		
Nguyễn Quang Thảo	Cháu	Nữ	5.2.1976			1.10.1976		
Nguyễn Thị Thu Huyền	Cháu	Nữ	12/11/84			03/8/84		
Nguyễn Văn	Con rể	Nam	1943	022501417		17.7.1984		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022501417**

Họ tên: **NGUYỄN CƯỜNG**

Sinh ngày: **01-3-1943**

Nghề nghiệp: **Thái Bình,**

Nơi thường trú: **16/B P16,**
TP Hồ Chí Minh.



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Phật Giáo

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI



Nốt ruồi nổi cách
0,5cm trên đuôi
mắt trái.

NGÓN TRỎ PHẢI



Năm tháng 10 năm 1985

TRƯỜNG TỶ CÔNG AN

Chánh Văn

Chánh Văn

VIỆT - NAM CỘNG - HOÀ

Lục sao y bản chánh đề tại Phòng Lục-Sự Toà Hoà-Giải Saigon

BỘ TƯ - PHÁP

Số 6252/HT (1)

Linh/5

SỞ TƯ - PHÁP NAM - PHẦN

Ngày 27 tháng 10 năm 1956 (1)

TOÀ HOÀ - GIẢI
SAIGON



GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH CHO

NGUYỄN CỬU

Đo-Ti

chín trăm 56 ngày 27 tháng 10 hồi 10 giờ
g tôi là HUYỀN KHẮC DUNG Chánh-án Toà Hoà-Giải
phòng chứng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự
phụ - tá

NGUYỄN KIM PHONG

DÃ TRÌNH DIỆN :

- 1.— **HOÀNG XUẤT**
- 2.— **NGUYỄN NGÂN**
- 3.— **NGUYỄN VY**

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

NGUYỄN CỬU

sinh ngày 04-3-1943 tại Lạc Thành Thái Bình
con của **NGUYỄN VI** và **BUI THI SA** -

Và duyên cớ mà
khai-sanh được, là vì **mẹ y -**
sự giao thông gián đoạn.

không có thể xin sao-lục

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai-sanh này cho đương-sự để xử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam, Các điều 363 và tiếp theo của bộ Hình-luật Canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên Không rõ,

LỤC-SAO Y,

Saigon, ngày 27 tháng 02 năm 1957

CHÁNH-LỤC-SỰ,

GIA TIỀN : 5000

(1) Chỉ tiết cần nhắc mỗi khi
xin cấp thêm bản sao.

BỘ NỘI VỤ

Trại Thủ Đức

Số 1346 CRT
(92)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2365 ngày 27 tháng 11 năm 1972

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 55 ngày 28 tháng 08 năm 1981

của

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn - Cửu

Họ, tên thường gọi Nguyễn - Cửu

Họ, tên bí danh:

Sinh ngày 04 tháng 03 năm 1943

Nơi sinh Thái Bình

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 10/3 Khóm Tân Thái Sơn, Phường 16, T. Tân Bình, TP: Hồ Chí Minh

Thiếu úy Trưởng cuộc cảnh sát xã

Can tội:

Bị bắt ngày 27-06-1975

Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tang án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 16/3 Khóm Tân Thái Sơn, P: 16, Tân Bình, TP: HCM.

Nhận xét quá trình cải tạo:

Trong thời gian cải tạo, anh em đã có nhiều tiến bộ. Tư tưởng cơ bản có gì biểu hiện xấu, lao động tích cực, chấp hành nội quy của trại nghiêm, học tập tiếp thu nhanh.

Thời hạn quản chế: 12 tháng (mười hai tháng)

Thời hạn cư trú: 02 ngày (từ ngày ký giấy ra trại)

Thời hạn về quê và lương thực cấp từ trại về đến gia đình:

(không được ở lại trú trong thành phố)

Nơi cư trú do chính quyền địa phương quy định

Lưu ý: Nguyễn - Cửu

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 28 tháng 08 năm 1981
Giám thị

Thiếu tá Phan Hữu Phúc

Date: _____
Ngày: _____

ODP IV # _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn-bản:

1. Name
Họ, tên : Nguyễn - Cầu Sex:
Phái Nam
2. Other Names
Họ, tên khác : Thống Ló
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 04 - 3 - 1943 Thái Bình (Biển Việt)
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-tụ : 16/8 Phường 16 quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 16/8 Phường 16 quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Việc ló Tz

B. Relatives To Accompany Me/Bà con đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Phải khai tình trạng gia-dình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-dình
1. Trần Thị Quang	24 - 5 - 1945	Thái Bình	Nữ	Vd	Vd
2. Nguyễn Thị Hương	10 - 2 - 1962	Sơn Tây	Nữ	Còn độc thân	Con
3. Nguyễn Văn Bình	12 - 7 - 1966	Tân Sơn Nhì	Nam	Còn độc thân	Con
4. Nguyễn Thị Đan H	06 - 12 - 1967	Tân Sơn Nhì	Nữ	Còn độc thân	Con
5. Nguyễn Ngọc Yến	20 - 9 - 1971	Tân Sơn Nhì	Nữ	Còn độc thân	Con
6. Nguyễn Thị Thanh Mai	08 - 12 - 1974	Sài Gòn	Nữ	Còn độc thân	Con
7. Nguyễn Quang Thảo	13 - 2 - 1976	Tân Bình	Nam	Còn độc thân	Con
8. Nguyễn Thị Thanh Uyên	12 - 4 - 1984	Sài Gòn	Nữ	Còn độc thân	Con
9. Nguyễn Kim Phụng	04 - 11 - 1969	Tân Sơn Nhì	Nữ	Có chồng	Con
10. Trần Văn Huỳnh	14 - 12 - 1969	Tân Sơn Nhì	Nam	Có vd	Con rể
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-dình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳa. Name
Họ, tên

: Nguyễn Thị Năng

Trần Thị Mỹ Tú

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

: Cô ruột

Chị họ

c. Address
Địa-chỉD. Date of Relatives Arrival
In the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

: 1979

1975

2. Closest Relative In Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước kháca. Name
Họ, tên

: Không

Không

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

:

c. Address
Địa-chỉ

:

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thế Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

: Nguyễn Văn Chết

2. Mother
Mẹ

Bùi Thị Sơ Chết

3. Spouse
Vợ/Chồng:

: Trần Thị Quang

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có):

Không

5. Children
Con cái:

(1)

Nguyễn Thị Hương

(2)

Nguyễn Văn Bình

(3)

Nguyễn Thị Oanh

(4)

Nguyễn Ngọc Yên

(5)

Nguyễn Thị Thanh Mai

(6)

Nguyễn Quang Thảo

(7)

Nguyễn Thị Thu Uyên

(8)

Nguyễn Kim Phụng

(9)

Trần Xuân Hoàn

6. Siblings
Anh chị em:

(1)

Nguyễn Trọng 1937 anh ruột

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ
TỈNH PHƯỚC-LONG

QUẬN: PHƯỚC-BÌNH

XÃ: SON-GIANG

Số hiệu: 37

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THƯ

Tên, họ người chồng NGUYỄN-CỬU

nghề-nghiep Học-Sinh

sinh ngày tháng năm 1943

tại Lạc-Thành, Tiền-Hải, Thái-Bình (BP)

cư-sở tại

tạm-trú tại Xã Son-Giang, Phước-Bình, Phước-Long

Tên, họ cha chồng Nguyễn-Vỹ (chết)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng Bùi-Thị-Sa (sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ TRẦN-THỊ-QUANG

nghề-nghiep Học-Sinh

sinh ngày 25 tháng 02 năm 1945

tại Phú-Lạc, Thái-Bình (BP)

cư-sở tại

tạm-trú tại Xã Son-Giang, Phước-Bình, Phước-Long

Tên, họ cha vợ Trần-Tiến-Dạt (sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ Bùi-Thị-Ơn (sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới 02 tháng 12 năm 1963

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kế

ngày tháng năm

tại

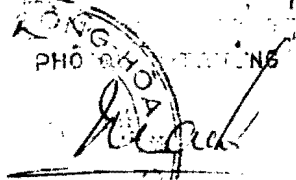
Trích y bản chính

Son-Giang, ngày 04 tháng 7 năm 1964

Viên-chức Hộ-tịch,

CHỨNG-THỰC

Chữ ký: *[Signature]*
Phước-Bình: 06/07/64



LÂM-MÃNH



Số: 34/ Giu

ngày 14 tháng 3 năm 1972 bổ dụng chính thức
Đ. Nguyễn-Ty-Sùng và 51 nhân-viên khác vào ngạch
Phó thám-sát-viên tập sự đồng thời cho thực-thụ
Phó thám-sát-viên hạng 4.

TỔNG TRƯỞNG NỘI-VỤ

Chiếu Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1-4-1967 ;

Chiếu

.

Chiếu các Nghị-định số 140-TTP/CV ngày 23-10-1969 và 1330-NH/V. Th. T/
CV ngày 21-12-1968 chế độ nhân viên công nhật, phụ lương đồng hóa công nhật và
khai-ước từ hạng B trở xuống được đặc biệt nhập ngạch miễn thi ;

Theo đề nghị của Tư-Lệnh Cảnh-Sát Quốc-Gia ;

Đ I N H

Điều 1.- Những nhân viên có tên sau đây, được xếp hạng nhập ngạch
miễn thi và đã được tập lữ vào ngạch Phó thám-sát-viên do các sự-vụ-lệnh số
07-BNV/TCSQ/SVL ngày 28-11-1967, số 164, 200, 201-BNV/TCSQ/SVL ngày 30.9,
12.12.1969, số 14, 20, 25, 26, 35, 37, 51, 54, 57, 58, 66, 68, 71, 72 và
131-BNV/TCSQ/SVL ngày 22.01, 11, 24.02, 04, 12.3, 14, 23, 30.04, 18, 21,
26, 28.5 và 29.07.1970, nay được chính thức bổ Phó thám-sát-viên tập sự
kể từ 01-01-1967, 01-11-1968 và 01-01-1969 về hai phương diện thêm niên và
lương bổng.

Nay các đương sự đã có 2 năm thêm niên trong trật tập sự được
thực thụ Phó thám-sát-viên hạng 4 như sau :

Họ và tên	Số	Ngày	Ngày thực thụ			
Ngày tháng năm sinh	trước	bổ Phó	Phó TGV/Hạng 4	Nhiệm sở	Cước chú	
	tịch	TGV/Tp	Phg. diện : th. niên	Phg. diện : lq. bổng		
1						
35 : NGUYỄN - CỬU	17.107	01-01-69	01-01-71	11-1-71	BHL/CSQG	
: 4-3-43						
.						

Điều 2.- Tư-Lệnh Cảnh-Sát Quốc-Gia và Tổng-Thư ký Bộ Nội-Vụ,
chỉn nhiệm vụ thi hành Nghị-định.-

Chiếu Hội Nghị Tổng Giám-Đốc Công-vụ
Ngày 19-1-72

Kiểm nhận tại quỹ Lưu-bố Vãn-giải
Ngày 14-10-71 số 2403-HT

Kiểm soát Ước-chi ngày 27-1-72

Nơi nhận :

- Nha TGDNS/MN.V
- Nha TGDGV
- Sở CB và VK (5b)
- BNV { - Sở NV
- BTLCSQG/NV/KT
- Sở KSCG & BNV
- Nha Lưu-bố
- Các đương sự
- Lưu.-

SAR - Y
Chánh-sự Vụ Sở Nhân-viên
an-ký : Hoàng-Đình-Dương

SAR Y
Chánh-sự Vụ Nhân-sự-Vụ
Bộ Tư-Lệnh Cảnh-Sát Quốc-Gia
an ký : Trần-văn-Lợi

Sài-gòn, ngày 14 tháng 3 năm 1972

TỔNG TRƯỞNG BỘ NỘI-VỤ

Tổng Thư-Ký

Ký tên : Tôn-Thất-Chước

Phụ bốn

NLTU, Giám-Đốc Nha Hành-chính
ký tên : Nguyễn-công-Quỳnh



TRẦN SẠC Y
CHÁNH-SỰ VỤ HÀNH-CHÍNH

NGUYỄN VĂN NGUỒN LIÊN

Thư lệnh cấp thi Hạng Sáu hạng 30-A-1475

Không

· Các sai căn bản: Các sai độc lập và không liên quan

Name of award:

Date received:

Ngày nhận: 1972

(CHU-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đừng sợ có không? Có Không không.)

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: Minh

2. School and School Address_ :

Trưởng và địa-chỉ nhà trưởng :

3, Dates:
Ngày, tháng, năm

From
TJ:

To
Gửi:

4. Description of Courses

Mô-tả ngành học

Không

5. Who paid for training?

AI đại-thọ chương-trình huấn-luyện? : Không

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No .)
(Ghi chú: Xin kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không .)

H. Re-education of You or Your Spouse/Ban hoac vo/chong da hoc-tan co 1500

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo : Nguyễn - Văn

2. Time in Reeducation:
Thời gian học-tập

From:
TJ:

To:
Tdi:

Thời gian học-tập Từ: từ 1975 Đến: 1981 (hai năm 2 tháng)

3. Still in Reeducation?* : Yes
 Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có

No

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

* (Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúdc chú phư-thuộc

Gia đình tôi ước mong được sự giúp đỡ nhân đạo của chính phủ Hoa-Kỳ để sớm hướng Tử Do hạnh phúc.

Signature

Ký tên :

Date _____

Ngày

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấ-y-tờ kèm theo với số câu hỏi này

1) phân loại sinh

2. Đĩa ra Trái

5. Ngày 09/01/2018

41 Hôn Thu

5. giấy nháp, giấy kẻ ô

#1 $\vec{p}_1 \cdot \vec{p}_2 = \vec{p}_1 \cdot \vec{p}_2$

YODP/B ^{16/84} gửi Hồ nhân. - Giấy báo hồ sơ gửi Thái Lan

ODP 7
6194

Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : Không
Position title
Chức-vụ : Không
Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : Không
Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ Không Đến Không
Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: Không
Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : Không

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : Không
Position title
Chức-vụ : Không
Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : Không
Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ Không Đến Không
Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: Không
Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : Không

Employee Name
Tên họ nhân-viên : Không
Position title
Chức-vụ : Không
Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : Không
Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ Không Đến Không
Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: Không
Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : Không

Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu
Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: Nguyễn Bửu
2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 1964 Đến 1975
3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Thiếu úy Cảnh sát Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: 60507
4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Dồn-Vị Binh-Chúng : Bộ chỉ huy Cảnh sát Tỉnh Bà Rịa
5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : Trung tá Tô Ngọc Văn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **021002031**

Họ tên **TRẦN THỊ QUANG**

Sinh ngày **25-4-1945**

Nguyên quán **Thái Bình**

Nơi thường trú **6/8 Tổ 17, P.16**

Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên chúa



NGÓN TRỎ TRÁI

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi cách 0,5cm
trên trước mép phải



NGÓN TRỎ PHẢI

Kiểm 2 tháng 6 năm 1979
THỦ QUẢN
TRƯỞNG ĐOÀN HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
TRƯỞNG ĐOÀN PH. Q. TÂN BÌNH

[Signature]

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

Trích-lục văn-kiện thể-vi hộ-tịch lưu-trú tại Phòng Lục-Sự

BỘ TƯ-PHÁP

Toà 30-THẨM VINH LONG

SỞ TƯ-PHÁP NAM-P



Toà VINH LONG

(1) Ngày 25-9-57

Giấy thể-vi hai s

cho Trần-thị-Qu

bản chánh giấy thể-vi khải sanh

Trần-thị-Quang

Nguyễn-hữu-Dương, Thẩm-Phán Chánh Ám Toà 30. Q. VINH LONG

Thẩm-Phán Hoà-Giải, cấp ngày 25-9-1957

và đã trước-ba;

(1) Số 2731SL

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY:

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc

TRẦN-THỊ-QUANG, sanh ngày 25 tháng 4 dương lịch 1945 (25-4-1945) tại làng PHÚ-LẠC tỉnh Thái-Bình (BẮC-PHẦN) con của Trần-Tiến-Dật và Bùi-thị-Ch ./.

X

X

X

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH.

VINH LONG, ngày 25 tháng 10 năm 1963

CHÁNH LỤC-Đ.

Lệ-phí: 5000

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **021705057**

Họ tên **NGUYỄN VĂN BÌNH**



Sinh ngày **12-7-1966**

Nguyên quán **Tân Bình,**

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú **16/8, Tò 17, F16**

Trình, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: **kinh** Tôn giáo: **thiên chúa**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sọ chạm cách lõm
sau đuôi mắt phải

Ngày 30 tháng 7 năm 1982

Lưu giữ tại: PHÒNG CÔNG AN
PHỐ TÂY, QUẬN PHONG CỎ



Đã gửi
Đã nhận

VIỆT - NAM, CỘNG HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN Tân-Bình



BỒN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

XÃ Tân-sơn-Nhi

ĐÃ KIỂM SOÁT ĐÚNG TRỌNG BỘ

Nhân-viên phụ-trách,

P/5

Năm 19 66

Số hiệu 1062

Tên, họ ấu nhi	Nguyễn-Văn-Bình
Phái	Nam
Sanh (Ngày, tháng, năm)	Ngày mười hai, tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu
Tại	Tân-sơn-Nhi
Cha (Tên, họ)	Nguyễn-Cửu
Nghề	Cảnh sát Viên
Cư trú tại	Tân-sơn-Nhi
Mẹ (Tên, họ)	Trần-Thị-Quang
Nghề	Nội trợ
Cư trú tại	Tân-sơn-Nhi
Vợ (Chánh hay thứ)	Vợ chánh

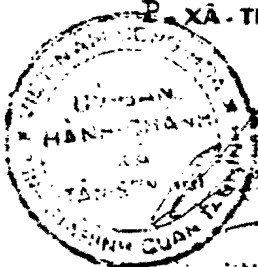
Trích y bốn chánh :

KIẾN-THỊ :

Tân-sơn-Nhi ngày 8 tháng 6 năm 1971

P. XÃ-TRƯỞNG HC

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,



QUẬN GIA-ĐÌNH

QUẬN GIA-ĐÌNH

MIỄN THỊ THỰC CHỮ KÝ

Tham chiếu : Thông Tư Bộ Nội Vụ số 4363, BN/V, HC/29
ngày 3-8-70.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~021082633~~

Họ tên **NGUYỄN THỊ HƯỜNG**



Sinh ngày **10-2-1967**

Nguyên quán **Thái Bình**

Nơi thường trú **16/8 Tổ 7, P.6
Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh**

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Thiên chúa



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chàm cách 3cm
trên sau mép trái



NGÓN TRỎ PHẢI

Năm 21 tháng 6 năm 1979



ĐOÀN TRƯỞNG TỶ CÔNG AN
TRƯỞNG CÔNG AN Q. TÂN BÌNH

[Handwritten signature]
Hàng Sĩ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THANH-PHỐ

Phước-Long

QUẬN : Phước-Bình

XÃ : Sơn-Giang

Số :



CHẾP Y TRONG BỐ :

Sơn-Giang ngày 27/9/1968

CHỦ-TỊCH NIỆM HỘ-LẠI



CHUNG-TRẬT :

Chữ ký của Ông Chủ-Tịch kiêm

Hộ-Lại Xã Sơn-Giang.

Phước-Bình ngày 30/7/1968

TL. QUẬN-TRƯỞNG

NGUYỄN-VAN-CẦU

(Phó Đốc-Sự)

KHAI SANH

Tên, họ Ấn nhi : NGUYỄN-THỊ-HƯƠNG

Phái : NỮ

Sanh : Ngày mười tháng hai năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn
(Ngày, tháng, năm)

Tại : Xã Sơn-Giang, Phước-Bình, Phước-Long

Cha : NGUYỄN - CỬU
(Tên, họ)

Tuổi : 21 tuổi

Nghề-nghiep : Học-Sinh

Cư-trú tại : Xã Sơn-Giang, Phước-Bình, Phước-Long

Mẹ : TRẦN-THỊ-QUANG
(Tên, họ)

Tuổi : 19 tuổi

Nghề-nghiep : Học - Sinh

Cư-trú tại : Xã Sơn-Giang, Phước-Bình, Phước-Long

Vợ : C H Á N H

Người khai : NGUYỄN - CỬU
(Tên, họ)

Tuổi : 21 tuổi

Nghề-nghiep : Học - Sinh

Cư-trú tại : Xã Sơn-Giang, Phước-Bình, Phước-Long

Ngày khai : Ngày 17 tháng 02 năm 1964

Người chứng thứ nhất : NGUYỄN - TRUY
(Tên, họ)

Tuổi : 28 tuổi

Nghề-nghiep : Công chức

Cư-trú tại : Xã Sơn-Giang, Phước-Bình, Phước-Long

Người chứng thứ nhì : ĐẶNG - NHƯẬN
(Tên, họ)

Tuổi : 28 tuổi

Nghề-nghiep : Làm công

Cư-trú tại : Xã Sơn-Giang, Phước-Bình, Phước-Long

Làm tại Xã Sơn-Giang, ngày 17 tháng 02 năm 1964

Người khai,

NGUYỄN - CỬU

Hộ-lại,

LÊ-QUỐC-PHÚ

Nhân-chứng,

NGUYỄN - TRUY (Ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~072174912~~

Họ tên **NGUYỄN THỊ OANH**

Sinh ngày **1967**

Nguyên quán **Thái Bình.**

Nơi thường trú **16/8 P16, TB.**
TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc: **kinh**

Tôn giáo: **thiền chùa**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sẹo thính dài 2,5cm
cách 2,5cm trướcmỏ
trái.

NGÓN TRỎ PHẢI

6 năm 1984
TƯ LỆNH ĐẠO HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
Chau...
Le Thanh Tân

MIỄN PHÍ

VIỆT - NAM - CỘNG - HÒA

Tân-sơn-Nhi

TỈNH GIA - ĐỊNH

BỐN TRÍCH LỤC

BỘ KHAI-SANH HÀNH CHÁNH



1967

Số hiệu: 1930

Tên, họ ấu nhi	Nguyễn-Thị-Oanh
Phối	HỮ
Sanh	Ngày sáu tháng mười một hai năm một ngàn
(ngày, tháng, năm)	chín trăm sáu mươi bảy.
Tại	Tân-sơn-Nhi
Cha	Nguyễn-Cầm
(Tên, họ)	
Nghề	Công chức
Cư trú tại	Tân-sơn-Nhi
Mẹ	Trần-Thị-quang
(Tên, họ)	
Nghề	Nội trợ
Cư trú tại	Tân-sơn-Nhi
Vợ	Vợ chánh
(Chánh hay thứ)	

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch

kiêm Ủy-viên Hộ-tịch Xã Tân-sơn-Nhi

Tân-sơn-Nhi, ngày 12 tháng 12 năm 1967

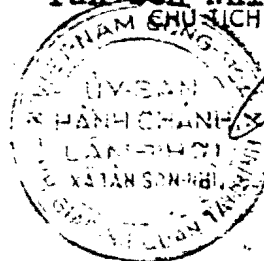
Tân-sơn-Nhi

12

7

Trích y bốn chánh :

Tân-sơn-Nhi ngày 8 tháng 12 năm 1967



QUANG NHIỆM



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số **022174911**

Họ tên **NGUYỄN KIM PHUỶNG**

Sinh ngày **1969**

Nguyên quán **Thái Bình.**

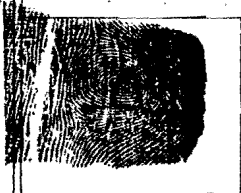
Nơi thường trú **16/8 F16, TB,**
tp. Hồ Chí Minh.

Dân tộc:

kinh

Tôn giáo:

thiên chúa



NGÓN TRỎ TRÁI



NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo thủng dài lom
đuôi này trái.

Ngày 27 tháng 6 năm 1984

ĐIỂM ĐÓNG CHẤM TRƯỞNG TÝ CÔNG AN



Chanh Van

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TÊN:



BỒN TRÍCH LỤC

BỘ KHAI-SANH

Xã Tân-Sơn-Nhi

Số hiệu : 2273

Tên, họ ấu nhi	Nguyễn-Xuân-Phượng
Phái	Yú
Sanh (ngày, tháng, năm)	Ngày bốn tháng mười một năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín
Tại	Tân-sơn-nhi
Cha (Tên, họ)	Nguyễn-Cửu
Nghề	Cảnh sát
Cư trú tại	Tân-sơn-nhi
Mẹ (Tên, họ)	Trần-Thị-Quang
Nghề	Nội trợ
Cư trú tại	Tân-sơn-nhi
Vợ (Chánh hay thứ)	Vợ chánh

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Ủy-viên

Ủy-tịch Xã Tân-Sơn-Nhi

ngày 18 tháng 11 năm 1969

Trích y bốn chánh :

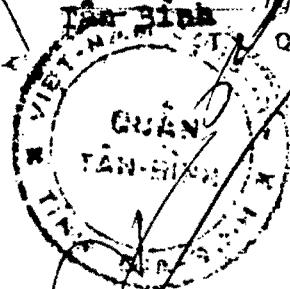
Tân-sơn-nhi, ngày 7 tháng 11 năm 1969

CHỦNG CHỨT ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,

CHỦ KHU CÁN SƠN CẤP CẤP

Ông Ủy-Viên Hộ-Tịch

TÂN-SƠN-NHI



TRẦN-VĂN-DƯƠNG



NGUYỄN VĂN NHÌ

HỒ-THÀNH-HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT HÔN

Tỉnh, Thành phố Hồ Chí Minh
Quận, Huyện Bình Bình
Xã, Phường Phước An

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyền số 64/1986
Số 01.P.16

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ và tên người vợ Nguyễn Kim Phượng
Sinh ngày 1969
Quê quán Bình Bình
Nơi đăng ký thường trú 16/8 Tổ 17
Phường 15 Quận Bình Bình
Nghề nghiệp Nội Trú
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam
Số CMND hoặc Hộ chiếu 022174917

Họ và tên người chồng Trình Xuân Khuôn
Sinh ngày 1963
Quê quán Bình Bình Nam Ninh
Nơi đăng ký thường trú 511 Lê Văn Sỹ
Phường 2 Quận Bình Bình
Nghề nghiệp Lao Động
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam
Số CMND hoặc Hộ chiếu 020808907

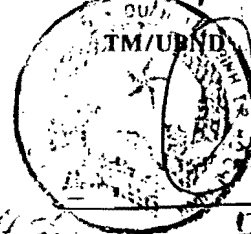
Kết hôn ngày 07 tháng 01 năm 1987

Chữ ký người vợ

Nguyễn Kim Phượng

Chữ ký người chồng

Trình Xuân Khuôn



CHỦ TỊCH

Đỗ Minh Tuấn

Nguyễn Kim Phượng Trình Xuân Khuôn

Ngày 7 tháng 7 năm 19 71



số 298

-vi khai-sanh cho

XUÂN-HUÂN

Chợ-An :

Biệt-ly :

Lưu-sự :

Tòa Sơ-Thẩm Giadinh xử về việc
Hộ trong phiên nhóm công khai
ngày 7 tháng 7 năm 19 71
gồm có các ông :

H/15

Hồ-đạo-Cần

Nguyễn-thế-Cường

Phạm-thị-Điều

bản án như sau :

AN ÁN

TÒA ÁN

Chiếu theo đơn của

nh-xuân-Ph

x13

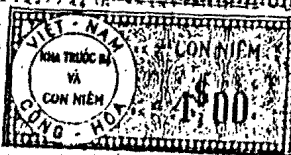
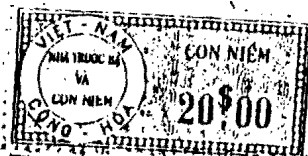
cho con

chứng nhận : Trinh-xuân-Phong và Nguyễn-thị-Lai nhận

Trinh-xuân-Huân là con

Phán rằng :

TRINH-XUÂN-HUÂN, nam, sinh ngày
mười bốn tháng mười hai, năm một ngàn chín
trăm sáu mươi ba (14.12.1963) tại xã Tân-sơn-
Hòa, quận Tân-Bình, tỉnh Giadinh là con của
Trinh-xuân-Phong và Nguyễn-thị-Lai./-



Phán rằng án này thế vì khai-sanh cho trẻ ấy

Đay ghi đoạn phán quyết án này vào sổ khai-sanh đương niên

xã Tân-sơn-hòa

và lược biên án này vào sổ tờ khai-sanh gần như ngày 14.12.1963

giữ lại lưu-trữ công-văn

xã kể trên

và Phòng Lục-Sự Tòa Án sở tại

Đay nguyên đơn chịu hết án phí

Án này làm, xử và tuyên vào ngày, tháng và năm đã kể trên.

Ký tên : Hồ-đạo-Cần / Phạm-thị-Điều

Trước-bạ tại Ty III Saigon ngày 27.7.71

Quyền 93b

Tờ 39

Số 290/36

Thầu 288

Trích y bản chánh

ngày 12 tháng 8 năm 1971

CHÁNH LỤC SỰ

GIÁ TIỀN	
Con niêm	24\$00
Bằng lợc	5\$00
Biên bản	0\$50
Cộng chung . . .	29\$50

Số 1617/BS-UBS
GIADINH

CHỦNG

UBNS PHUONG
KỶ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022004041

Họ tên NGUYỄN NGỌC YẾN

Sinh ngày 20-9-1971

Nguyên quán Thái Bình.

Nơi thường trú 16/8 P16, Tân-
Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc:

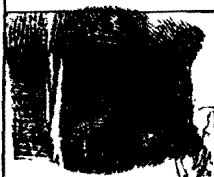
kinh

Tôn giáo:

Thiên Chúa



NGON TRỎI AI



NGON TRỎI PHỤ

ĐẶT VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chàm cách 3cm
trên sau mốp trái.

Ngày 13 tháng 08 năm 1968

GIÁM ĐỐC ĐẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Tham
Viết Thanh

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN Tân Bình

XÃ Tân-Sơn-Thị

BỒN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

P/5



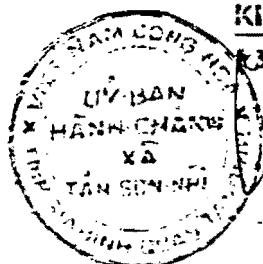
Năm 19 71

Số hiệu 1829

Tên, họ ấu nhi	Nguyễn-Học-Yến
Phái	Nữ
Sanh	Ngày hai mươi tháng chín năm một ngàn chín trăm bảy mươi một
(Ngày, tháng, năm)	
Tại	Tân-sơn-Thị
Cha	Nguyễn-Cửu
(Tên, họ)	
Nghề	Công chức
Cư trú tại	Tân-sơn-Thị
Mẹ	Trần-Thị-Quang
(Tên, họ)	
Nghề	Nội trợ
Cư trú tại	Tân-sơn-Thị
Vợ	Vợ chánh
(Chánh hay thứ)	

Trích y bốn chánh :

Tân-sơn-Thị ngày 24 tháng 9 năm 1971
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



KIẾN-THỊ :

K. TRƯỞNG

NGUYỄN-VĂN-NHI

Xướng-Cửu

MIỄN THỊ THỰC CHỮ KÝ

Tham chiếu : Thông Tư Bộ Nội Vụ số 4306/BNV/HC/27
ngày 3-9-70.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022720837**

Họ tên **NGUYỄN THỊ THANH-
MAI**

Sinh ngày **05-02-1974**

Nguyên quán **Thái Bình.**

Nơi thường trú **16/8 Phường 16
Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.**



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Thiên Chúa



NGÓN TRỎ TRÁI



NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC BI HỨNG

Sẹo chạm cách 30m
trên sau mạp trái

Năm 29 tháng 05 năm 1989



Handwritten signature and text:
Lê Văn Thọ

VIỆT-NAM CỘNG HÒA

ĐÔ-THÀNH SÀI

Quận: NH

PHƯỜNG HUYEN

Số hiệu: 1627A



CH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 12 tháng 2 năm 1974

HVC/IOb

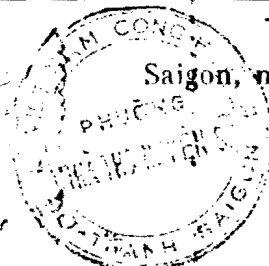
	NGUYEN THI THANH MAI
n gái.	Nu
Ngày sanh	Nem thang hai nam tot ngay chin tram bay muoi bon, 5g45
Nơi sanh	Saigon, 284 Cong Quynh
Tên họ người cha. . .	NGUYEN CUU
Tên họ người mẹ. . .	TRAI THI QUANG
Vợ chánh hay không có hôn-thú	Vo chenh
Tên họ người đứng khai.	PHAM THI BUOI

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 23 tháng 2 năm 1974

Viên-Chức Hộ-Tịch

1974

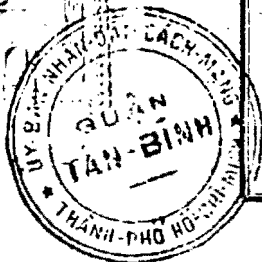


1 021000 000 000 000

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN C.M.

Quận 7th
Phường (Xã) 7th



BẢN SAO KHAI-SANH

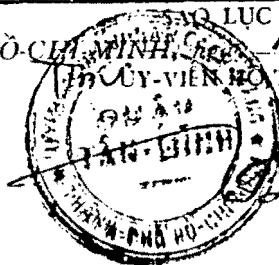
Số hiệu: 32

Năm: 1976

Lập ngày 03 tháng 03 năm 1976

Họ tên	Nguyễn Quang Thảo
Trai hay gái	Nữ
Ngày, tháng, năm sinh	ba, tháng hai, một chín bảy sáu
Nơi sinh	Tân Phú
Họ tên, quốc tịch cha	Nguyễn Cửu VN.
Họ tên, quốc tịch mẹ	Sơn Thị Quang VN
Cha mẹ có hôn thú không	37 ngày 04-07-1964 Sơn Gừng

Thành phố HỒ CHÍ MINH, ngày 14 tháng 5 năm 1976



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Thị xã Quận

Tân Bình

Thành phố, Tỉnh

Hồ Chí Minh

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 95/1984

Quyển số 01/P-16



Họ và

NGUYỄN THỊ THỊ LYÊN

Nam, nữ Nữ

Sinh

tháng

Ngày 12 tháng 4 năm 1984

Nơi sinh

ĐY BẮC MONG

Khai về cha mẹ

CHA

MẸ

Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)

NGUYỄN THỊ

NGUYỄN THỊ NGUYỄN

Dân tộc
Quốc tịch

Nam

Nghề nghiệp

làm nông nghiệp

làm nông nghiệp

Nơi ĐKNK thường trú

10/3 số 17 Phường 1, Quận Tân Bình

Họ, tên tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai

NGUYỄN THỊ

NHÂN THỰC SAO Y HÂN CHÁNH

Ngày 30 tháng 4 năm 1984

Ký tên đóng dấu

PHỖ-VĂN-PHÔNG

TRẦN NGỌC KHÁNH

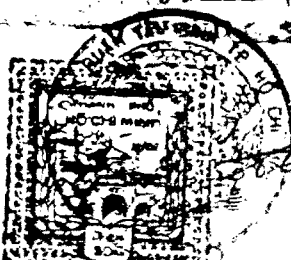
Đang ký ngày 28 tháng 4 năm 1984

(ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Ủy Viên lâm ký Quận TĐ

(dấu)

NGUYỄN THỊ BÙ



FROM: NGOC TRINH

CONTROL

____ Card
____ ✓ Doc. Request; Form 1/3/90
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ CDP/Date _____
____ Membership; letter